

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2025/DS-ST

Ngày: 05-5-2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thành Đông;

2. Ông Huỳnh Đức Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kiến Hòa – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Đào Văn Trong.

Ngày 05 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 493/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2025, các Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2025/QĐST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2025 và số 105/2025/QĐST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Ông **Trần Văn M**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Ấp Q, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

- Ông **Phạm Văn H**, sinh năm 1975;

Hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã T1, huyện G, tỉnh Bến Tre;

- Ông **Lê Minh T**, sinh năm 1995;

Hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã Q, huyện P, tỉnh Bến Tre;

Cùng địa chỉ liên hệ: Ấp T2, xã P1, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

(Bà S có mặt, ông H và ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện; Đơn khởi kiện bổ sung; Bản tự khai; biên bản lấy lời khai của đương sự; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:

Bà và ông Trần Văn M có quen biết nhau. Từ đầu năm 2020 âm lịch, bà có bán thức ăn chăn nuôi gà cho ông M, hai bên thỏa thuận sau khi ông M bán xong được một bầy gà thì mới trả tiền cho bà, khi cần mua thức ăn thì ông M điện thoại cho bà, bà cho người chở thức ăn xuống nhà ông M. Khi mua bán, mỗi bên đều có lập sổ theo dõi, khi giao thức ăn bà đều có ghi lại, người mà bà yêu cầu đi giao thức ăn cho ông M có ký vào sổ của ông M. Khi ông M thỏa thuận mua bán thức ăn với bà, ông M nói ông ở xã H nên bà lập sổ theo dõi ghi là “M H”.

Lúc đầu, ông M trả tiền đầy đủ cho bà, sau đó thì không trả đầy đủ. Đến ngày 19/4/2021 âm lịch, ông M không còn mua thức ăn của bà nữa. Ngày 10/01/2021, tại nhà ông M, sau khi đối chiếu hai sổ theo dõi do bà và ông M giữ thì hai bên chốt nợ, theo đó ông M còn nợ bà số tiền là 360.718.000 (ba trăm sáu mươi triệu bảy trăm mười tám nghìn) đồng, ông M có ký tên, ghi rõ họ tên vào sổ theo dõi do bà giữ.

Do ông M không trả nợ cho bà, bà có đến nhà ông M nhiều lần để yêu cầu trả nợ, ông M có hứa trả 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng, bà đồng ý. Ngày 09/02/2022 âm lịch, mẹ ông M là bà Huỳnh Thị L có trả cho bà được 5.000.000 (năm triệu) đồng, còn nợ lại 355.718.000 (ba trăm năm mươi lăm triệu bảy trăm mười tám triệu) đồng đến nay vẫn chưa trả.

Do đó, bà khởi kiện yêu cầu ông M trả cho bà số tiền gốc là 355.718.000 (ba trăm năm mươi lăm triệu bảy trăm mười tám triệu) đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 10/02/2022 âm lịch (nhằm ngày 12/3/2022 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 05/5/2025 dương lịch với lãi suất 0,83%/tháng, làm tròn 110.000.000 (một trăm mười triệu) đồng nhưng đồng ý giảm cho ông M, chỉ yêu cầu trả số tiền lãi là 55.000.000 (năm mươi lăm triệu) đồng.

Theo Biên bản lấy lời khai của đương sự, bị đơn ông Trần Văn M trình bày:

Từ đầu năm 2020 âm lịch, ông có mua thức ăn chăn nuôi gà của bà S như bà Sạch đã trình bày.

Ngày 10/01/2021, tại nhà ông, sau khi đối chiếu hai sổ theo dõi do bà S và ông giữ thì hai bên chốt nợ, theo đó ông còn nợ bà S số tiền là 360.718.000 (ba trăm sáu mươi triệu bảy trăm mười tám nghìn) đồng. Sau đó, vào ngày 09/02/2022 âm lịch, mẹ ông là bà Huỳnh Thị L có trả cho bà S được 5.000.000 (năm triệu) đồng, còn nợ lại 355.718.000 (ba trăm năm mươi lăm triệu bảy trăm mười tám triệu) đồng đến nay ông không có khả năng trả cho bà S.

Bà S khởi kiện, ông đồng ý trả số nợ mua bán thức ăn chăn nuôi gà cho bà S là 355.718.000 (ba trăm năm mươi lăm triệu bảy trăm mười tám triệu) đồng nhưng xin trả dần, còn số tiền lãi thì ông không đồng ý trả do điều kiện khó khăn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Bị đơn tuân thủ không đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan do vắng mặt nhiều lần, không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các phiên hòa giải và tại phiên tòa ngày 25/3/2025. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn tuân thủ không đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan do vắng mặt nhiều lần, không có lý do tại các phiên tòa ngày 14/4/2025 và ngày 05/5/2025.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các Điều 430, 440 và Điều 468 Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà S, buộc ông M trả cho bà S tổng số tiền mua bán thức ăn chăn nuôi còn nợ lại là 410.718.000 (bốn trăm mười triệu bảy trăm mười tám nghìn) đồng, gồm số tiền gốc là 355.718.000 (ba trăm năm mươi lăm triệu bảy trăm mười tám triệu) đồng và số tiền lãi là 55.000.000 (năm mươi lăm triệu) đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án:

Bà Nguyễn Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết buộc ông Trần Văn M trả số tiền mua bán thức ăn chăn nuôi còn nợ lại; ông M đang cư trú tại xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông M là ông Phạm Văn H và ông Lê Minh T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà S:

Bà S và ông M thống nhất là ông M có mua thức ăn chăn nuôi của bà S để chăn nuôi gà; hai bên thỏa thuận sau khi ông M bán xong được một bầy gà thì mới trả tiền cho bà S, khi cần mua thức ăn thì ông M điện thoại cho bà S, bà S cho người chở thức ăn xuống nhà ông M; khi mua bán, mỗi bên đều có lập sổ theo dõi, trong đó có sổ theo dõi mà bà S đã cung cấp cho Tòa án. Xét thấy, thỏa thuận mua bán trên của hai bên tuy không lập thành văn bản mà bằng lời nói nhưng hai bên có lập sổ theo dõi, hai bên đều thừa nhận. Do đó, có căn cứ xác định thỏa thuận mua bán trên là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật nên ràng buộc quyền và nghĩa vụ của hai bên.

Về số tiền gốc, sau khi không còn mua bán nữa, vào ngày 10/01/2021, bà S và ông M tổng kết lại thì ông M còn nợ bà S tổng số tiền là 360.718.000 (ba trăm sáu mươi triệu bảy trăm mười tám nghìn) đồng, sau đó vào ngày 09/02/2022 âm lịch thì mẹ ông M có trả cho bà S được 5.000.000 (năm triệu) đồng, còn nợ lại 355.718.000 (ba trăm năm mươi lăm triệu bảy trăm mười tám triệu) đồng đến nay vẫn chưa trả nên bà S khởi kiện yêu cầu ông M trả cho bà số tiền còn lại này. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông M thừa nhận còn nợ tổng tiền mua bán thức ăn chăn nuôi của bà S là 355.718.000 (ba trăm năm mươi lăm triệu bảy trăm mười tám triệu) đồng và đồng ý trả nên được ghi nhận. Ông M xin được trả dần số tiền này, bà S không đồng ý nên không có cơ sở xem xét.

Về số tiền lãi, bà S và ông M thống nhất từ ngày 09/02/2022 âm lịch, ông M còn nợ lại bà S số tiền mua thức ăn chăn nuôi là 355.718.000 (ba trăm năm mươi lăm triệu bảy trăm mười tám triệu) đồng đến nay chưa trả và khi mua bán hai bên không thỏa thuận về lãi suất. Do đó, theo quy định tại Điều 357, Điều 440 và Điều 468 Bộ luật dân sự thì ông M phải trả lãi trên số tiền 355.718.000 (ba trăm năm mươi lăm triệu bảy trăm mười tám triệu) đồng tính từ ngày 10/02/2022 âm lịch (nhằm ngày 12/3/2022 dương lịch) với mức lãi suất 10%/năm. Tại phiên tòa, bà S yêu cầu trả tiền lãi từ ngày 10/02/2022 âm lịch (nhằm ngày 12/3/2022 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 05/5/2025 dương lịch với mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp quy định pháp luật nên được ghi nhận. Số tiền lãi ông M có trách nhiệm trả cho bà S là $355.718.000 \text{ đồng} \times 37 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng} = 111.504.550$ (một trăm mười một triệu năm trăm lẻ bốn nghìn năm trăm năm mươi) đồng. Tuy nhiên, bà S đồng ý giảm tiền lãi cho ông M, chỉ yêu cầu trả 55.000.000 (năm mươi lăm triệu) đồng nên được ghi nhận.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà S, buộc ông M trả cho bà S tổng số tiền mua bán thức ăn chăn nuôi còn nợ lại là 410.718.000 (bốn trăm mười triệu bảy trăm mười tám nghìn) đồng, trong đó số tiền gốc là 355.718.000 (ba trăm năm mươi lăm triệu bảy trăm mười tám triệu) đồng và số tiền lãi là 55.000.000 (năm mươi lăm triệu) đồng.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà S, buộc ông M trả cho bà S tổng

số tiền mua bán thức ăn chăn nuôi còn nợ lại là 410.718.000 (bốn trăm mười triệu bảy trăm mười tám nghìn) đồng nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 20.000.000 đồng + 4% (410.718.000 đồng – 400.000.000 đồng) = 20.429.000 (hai mươi triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn) đồng do ông M phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357, 430, 440 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S:

Buộc bị đơn ông Trần Văn M trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị S tổng số tiền mua bán thức ăn chăn nuôi còn nợ lại là 410.718.000 (bốn trăm mười triệu bảy trăm mười tám nghìn) đồng, gồm số tiền gốc là 355.718.000 (ba trăm năm mươi lăm triệu bảy trăm mười tám nghìn) đồng và số tiền lãi là 55.000.000 (năm mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 20.429.000 (hai mươi triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn) đồng do bị đơn ông Trần Văn M phải nộp.

Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị S số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 12.111.000 (mười hai triệu một trăm mười một nghìn) đồng theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004395 ngày 05/11/2024 và số 0007640 ngày 10/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

3. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về thi hành án:

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Yên